

Bản án số: 20/2022/HS-PT.

Ngày: 15-4-2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Hữu.

Các Thẩm phán: Ông Trần Nam Trung;

Bà Trương Tố Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy Nga-Kiểm sát viên.

Trong ngày 15-4-2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 106/2021/TLPT-HS ngày 28-12-2021 đối với bị cáo Trần Văn M và đồng phạm do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố S đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 123/2021/HS-ST ngày 22-11-2021 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị cáo bị kháng nghị:

1. Trần Văn M, sinh ngày 29-02-1980; Tên gọi khác: Không; Nơi sinh: Tỉnh Vĩnh Long; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số D, đường E, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn Ph (đã chết) và bà Nguyễn Thị Kim H; Bị cáo có vợ và 02 người con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14-01-2021 và chuyển tạm giam cho đến nay. (có mặt)

2. Võ Thanh P, sinh ngày 29-12-1992; Tên gọi khác: Không; Nơi sinh: Tỉnh Vĩnh Long. Nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú: Số A, đường L, khóm A, phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ M H và bà Nguyễn Thị G (đã chết); Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14-01-2021 và chuyển tạm giam đến ngày 11-02-2021 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. (có mặt).

- Những người dưới đây không liên quan đến kháng nghị Hội đồng xét xử Phúc thẩm không triệu tập gồm: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Phạm Huỳnh S và ông Ngô M T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố S, tỉnh Sóc Trăng đã điều tra, làm rõ nội dung vụ án như sau:

Vào khoảng 10 giờ 45 Pt, ngày 14-01-2021 tại nhà số B, đường P, khóm C, phường E, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế - Công an tỉnh Sóc Trăng phối hợp với Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế - Công an thành phố S và Công an phường E, thành phố S kiểm tra phát hiện và bắt quả tang Trần Văn M và Võ Thanh P đang thực hiện hành vi khiêng thuốc lá điều ngoại nhập lậu nhãn hiệu Jet, Hero và Scott từ trên xe ô tô biển số 64A-005.53 để xuống nền nhà. Qua kiểm tra phát hiện, thu giữ tổng số 4.990 bao thuốc lá điều ngoại nhập lậu, trong đó: 1.990 bao nhãn hiệu Hero, 2.000 bao nhãn hiệu Jet và 1.000 bao nhãn hiệu Scott và các vật chứng khác.

Quá trình điều tra được biết: Căn nhà số B, đường P, khóm C, phường E, thành phố S là của anh Ngô M T cho một người phụ nữ tên TH (chưa rõ họ tên và địa chỉ) thuê. Vào ngày 12-01-2021 thì Th điện thoại từ số 0943.441.093 vào số điện thoại 0943.173.509 của M hỏi mua 4.990 bao thuốc lá điều ngoại nhập lậu các loại Jet, Hero và Scott thì M đồng ý bán. Đến khoảng 04 giờ, ngày 14-01-2021, M đi từ nhà tại số 44/8 đường 8/3, phường 5, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long đến bãi giữ xe số D, đường E, phường Đ, thành phố V để thuê xe ô tô biển số 64A-005.53 của anh Phạm Huỳnh S rồi điều khiển xe đi đến khu vực dốc cầu P, phường D, thành phố V để rước P. Sau đó, P điều khiển xe chở M đi đến địa phận huyện T, tỉnh Đồng Tháp thì P dừng rồi xuống xe đi vào quán cà phê gần đó uống nước chờ M đi lấy thuốc lá xong rồi về rước, còn M thì tiếp tục điều khiển xe đi đến khu vực đất trồng xã A, huyện H, tỉnh Đồng Tháp mua tổng số 4.990 bao thuốc lá điều ngoại nhập lậu, gồm: 2.000 bao nhãn hiệu Jet với giá là 18.000 đồng/01 bao, 1.990 bao nhãn hiệu Hero với giá là 15.000 đồng/01 bao và 1.000 bao nhãn hiệu Scott với giá 13.000 đồng/01 bao. Mua thuốc lá xong thì M điều khiển xe đi đến huyện T, tỉnh Đồng Tháp rước P rồi điều khiển xe đi đến thành phố S để bán thuốc lá cho Thu với giá đã thỏa thuận là 18.700 đồng/01 bao nhãn hiệu Jet, 15.700 đồng/01 bao nhãn hiệu Hero và 13.700 đồng/01 bao nhãn hiệu Scott để kiếm lời. Khi đến nhà số B, đường P, khóm C, phường E, thành phố S, M chỉ cho P đi lại lấy chìa khóa mở cửa nhà để cho M lùa xe vào bên trong nhà khiêng thuốc lá xuống. Trong lúc M và P đang khiêng thuốc lá để xuống nền nhà thì bị lực lượng Công an kiểm tra phát hiện và bắt giữ.

M bắt đầu hoạt động buôn bán thuốc lá điều ngoại nhập lậu cho người tên TH từ khoảng tháng 09-2020 đến ngày bắt quả tang, số lần và thời gian cụ thể do đã lâu nên M không còn nhớ rõ, trong năm 2020 M khai nhận đã buôn bán thuốc lá điều

ngoại nhập lậu cho TH được khoảng 04 lần, trung bình mỗi lần khoảng 1.300 bao các loại Jet, Hero và Scott. Trong năm 2021, M buôn bán thuốc lá điều ngoại nhập lậu cho TH được khoảng 02 lần, lần thứ nhất là vào ngày 01-01-2021 với số lượng là khoảng 3.000 bao loại Jet, Hero và Scott, lần thứ hai là vào ngày bắt quả tang là 4.990 bao các loại Jet, Hero và Scott như đã nêu trên. Hình thức buôn bán như sau: Khi TH cần mua thuốc lá điều ngoại nhập lậu thì TH sẽ điện thoại cho M biết về số lượng, thời gian và địa điểm giao thuốc, sau đó, M thuê xe đi đến khu vực xã A, huyện H, tỉnh Đồng Tháp gặp trực tiếp mua từ những người thanh niên lạ mặt, sau đó thì M chở về Sóc Trăng bán lại cho TH, M sẽ giao thuốc lá tại địa điểm được TH chỉ định, sau khi M giao thuốc lá xong sẽ điện thoại lại cho TH rồi TH sẽ hẹn địa điểm giao tiền ở chỗ khác. Trong quá trình buôn bán thuốc lá điều ngoại nhập lậu, M có rủ P cùng tham gia với M, bản thân P biết rõ việc M rủ đi là để buôn bán thuốc lá điều ngoại nhập lậu do P đã đi với M được nhiều lần, P bắt đầu buôn bán thuốc lá điều ngoại nhập lậu cùng với M từ giữa tháng 9-2020 đến ngày bị bắt quả tang. Trong năm 2020, số lần và thời gian cụ thể thì P không nhớ, nhưng mỗi tuần P cùng với M đi giao (đi qua Đồng Tháp mua thuốc lá nhập lậu và đem xuống Sóc Trăng bán) thuốc lá khoảng 02 lần, có tuần thì không đi, trong năm 2021 thì P cùng với M đi được 02 lần, lần thứ nhất là vào ngày 01-01-2021, lần thứ hai là vào ngày bị bắt quả tang, mỗi lần đi thì M trả tiền công cho P từ 300.000 đến 400.000 đồng trên một lần.

Đến ngày 22-01-2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố S, tỉnh Sóc Trăng đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự; Các quyết định khởi tố bị can và áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt bị can để tạm giam đối với Trần Văn M và Võ Thanh P về “Tội Buôn bán hàng cấm” theo quy định tại khoản 3 Điều 190 Bộ luật hình sự.

Về vật chứng của vụ án: Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra, Công an thành phố S đã tạm giữ: 2.000 bao thuốc lá nhãn hiệu Jet; 1.990 bao thuốc lá nhãn hiệu Hero; 1.000 bao thuốc lá nhãn hiệu Scott; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu TOYOTA, loại Fortune màu bạc, biển số 64A-005.53; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe số 006001, biển số 64A-005.53 (bản sao); 01 giấy chứng nhận kiểm định số KD 0223316, biển đăng ký 64A-005.53; 01 giấy chứng M nhân dân mang tên Trần Văn M; 01 giấy phép lái xe số 790079005533 hạng D mang tên Trần Văn M; 01 giấy phép lái xe số 860121000653 hạng B2, mang tên Võ Thanh P; 01 giấy phép lái xe số AX 821343 hạng B2 mang tên Phạm Huỳnh S; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 150 màu đen, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu bạc, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO K3 màu trắng, đã qua sử dụng; tiền Việt Nam 7.000.000 đồng; 01 tờ tiền Australia, mệnh giá 100 dollars; 01 tờ tiền USD, mệnh giá 100 dollars; 01 tờ tiền Canada, mệnh giá 50 dollars; 01 tờ tiền Nhật Bản, mệnh giá 10.000 Yen. Sau khi xác M làm rõ đã trả: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu TOYOTA, loại Fortune màu bạc, biển số 64A-005.53; 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định số KD 0223316, biển đăng ký 64A-005.53 và 01 (một) giấy phép lái xe số AX 821343 hạng B2 mang tên Phạm Huỳnh S cho chủ sở hữu.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 123/2021/HS-ST ngày 22-11-2021 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

- Tuyên bố các bị cáo Trần Văn M và Võ Thanh P phạm tội “Buôn bán hàng cấm”.

- Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 190; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 58; Điều 38; khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 333; Điều 338 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đối với bị cáo Trần Văn M;

- Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 190; điểm s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 50; Điều 17; Điều 58; Điều 38 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 333; Điều 338 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 2, Điều 3 Nghị quyết 02/2018/NQ – HĐTP ngày 15-5- 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo đối với bị cáo Võ Thanh P;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử phạt bị cáo Trần Văn M 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ và chuyển tạm giam ngày 14-01-2021.

2. Xử phạt bị cáo Võ Thanh P 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm, được tính kể từ ngày 22-11-2021.

Giao người được hưởng án treo cho Ủy ban nhân dân Phường 4, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp những người được hưởng án treo nêu trên thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKS-TPST ngày 06-12-2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng đã kháng nghị đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 123/2021/HS-ST ngày 22-11-2021 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng căn cứ điểm a, điểm d khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 123/2021/HS-ST ngày 22-11-2021 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, theo hướng không áp dụng điểm v, khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và không áp dụng khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung

năm 2017), áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Võ Thanh P đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo này. Áp dụng điểm g, khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và tăng hình phạt đối với bị cáo Trần Văn M.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Chấp kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKS-TPST ngày 06-12-2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng đã kháng nghị đối với Bản án số 123/2021/HS-ST ngày 22-11-2021 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng căn cứ điểm a, điểm d khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), theo hướng không áp dụng điểm v, khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Võ Thanh P và áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Võ Thanh P từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù. Áp dụng điểm g, khoản 1, Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và tăng hình phạt đối với bị cáo Trần Văn M xử phạt bị cáo Trần Văn M từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của kháng nghị và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKS-TPST ngày 06-12-2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng được gửi cho Tòa án cấp sơ thẩm vào ngày 06-12-2021 là đúng quy định về thẩm quyền, thời hạn, nội dung kháng nghị theo quy định tại các điều 336 và 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm tiến hành xem xét, giải quyết kháng nghị theo quy định.

[3] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo Trần Văn M và Võ Thanh P: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Trần Văn M và Võ Thanh P đã khai: Vào 10 giờ 45 Pt, ngày 14-01-2021, bị cáo Trần Văn M và Võ Thanh P đang khiêng 4.990 bao thuốc lá điều nhập lậu (cụ thể là 2.000 bao thuốc lá nhãn hiệu Jet; 1.990 bao thuốc lá nhãn hiệu Hero; 1.000 bao thuốc lá nhãn hiệu Scott) từ trên xe ô tô biển số 64A-005.53 xuống căn nhà số B, đường P, khóm C, phường E, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng để giao cho người phụ nữ tên Thu theo thỏa thuận mua bán qua điện thoại trước đó của bị cáo M thì bị lực lượng Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế, Công an tỉnh Sóc Trăng, phối hợp với Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế, Công an thành phố S và Công an phường E, thành phố S kiểm tra phát hiện, bắt quả tang. Cũng như bị cáo M tự khai nhận vào ngày 01-01-2021 một mình bị cáo đã vận chuyển thuê 3.000 bao thuốc lá nhập lậu loại Jet, Hero và Scott để giao cho

người phụ nữ tên Th tại địa điểm căn nhà số B nêu trên. Xét lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án mà cơ quan điều tra đã thu thập được. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận các bị cáo Trần Văn M, Võ Thanh P phạm tội “Buôn bán hàng cấm” theo điểm b khoản 3 Điều 190 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố S về việc áp dụng tình tiết phạm tội 02 lần trở lên: Xét ngoài lần phạm tội quả tang ngày 14-01-2021 với số lượng là 4.990 bao thuốc lá điều nhập lậu, trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm bị cáo Trần Văn M khai nhận vào ngày 01-01-2021 một mình bị cáo đã vận chuyển thuê 3.000 bao thuốc lá nhập lậu loại Jet, Hero và Scott để giao cho người phụ nữ tên TH tại địa điểm căn nhà số B, đường P, phường E, thành phố S, bị cáo Võ Thanh P lúc đầu có thừa nhận nhưng về sau và tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm thì P không thừa nhận vào ngày 01-01-2021 có cùng đi với bị cáo Trần Văn M. Ngoài những lời khai của bị cáo Trần Văn M thì không có chứng cứ nào thể hiện vào ngày 01-01-2021 M và P có vận chuyển 3.000 bao thuốc lá nhập lậu bán cho người tên TH, quá trình điều tra cũng không chứng M được nhân thân của người tên TH đã mua số thuốc lá nói trên của các bị cáo. Vì vậy, chưa đủ căn cứ để xác định các bị cáo M, P có hành vi phạm tội vào ngày 01-01-2021. Do đó, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố S về việc áp dụng tình tiết phạm tội 02 lần trở lên đối với bị cáo M và bị cáo P là chưa đủ căn cứ để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[5] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố S về việc không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Võ Thanh P. Xét thấy, đối với bị cáo Võ Thanh P được Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Vĩnh Long tặng Bằng khen vì có thành tích “Tích cực tham gia quyên góp ủng hộ Quỹ Vì người nghèo tỉnh Vĩnh Long năm 2021” và cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tuy nhiên, ngày 24-12-2021, Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Vĩnh Long đã có Quyết định số 153/QĐ-MTTQ-BTT về việc hủy Bằng khen nói trên đối với bị cáo Võ Thanh P. Do đó, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng kháng nghị đề nghị cấp phúc thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm v khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo P là có căn cứ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[6] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố S về việc tăng hình phạt đối với bị cáo M: Khi lượng hình, cấp sơ thẩm xác định bị cáo M không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thật thà khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và xử phạt bị cáo M 08 năm tù là có căn cứ và tương

xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Do kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố S về đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên đối bị cáo M không được Hội đồng xét xử chấp nhận nên không có căn cứ để chấp nhận kháng nghị tăng hình phạt đối với bị cáo M.

[7] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố S về việc tăng hình phạt đối với bị cáo P: Khi lượng hình, cấp sơ thẩm xác định bị cáo P không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thật thà khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có thành tích xuất sắc trong lao động học tập; bị cáo có nhân thân tốt theo quy định tại điểm s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và áp dụng khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo P 03 năm tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo. Nhưng do kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố S về đề nghị không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối bị cáo P được chấp nhận nên có căn cứ để chấp nhận kháng nghị tăng hình phạt đối với bị cáo P. Tuy nhiên, trong vụ án này, bị cáo P phạm tội lần đầu, có vai trò là người làm thuê nên cần áp dụng khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt bị cáo dưới khung hình phạt.

[8] Lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ chấp nhận một phần như đã nhận định tại các đoạn [4], [5], [6], [7].

[9] Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo không phải chịu án phí hình sự Phúc thẩm.

[10] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a, d khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKS-TPST ngày 06-12-2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Sửa phần áp dụng điều luật và quyết định hình phạt đối với bị cáo Võ Thanh P; giữ nguyên phần áp dụng điều luật và quyết định hình phạt đối với bị cáo Trần Văn M của Bản án hình sự sơ thẩm số 123/2021/HS-ST ngày 22-11-2021 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

2. Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 190; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trần Văn M;

Xử phạt bị cáo Trần Văn M 08 (tám) năm tù về tội “Buôn bán hàng cấm”, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14-01-2021.

3. Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 190; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 50; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Võ Thanh P;

Xử phạt bị cáo Võ Thanh P 05 (năm) năm tù về tội “Buôn bán hàng cấm”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc ngày bắt bị cáo đi chấp hành án nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 14-01-2021 đến ngày 11-02-2021.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

- Các bị cáo Trần Văn M và Võ Thanh P không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01);
- Trại Tạm giam-Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- TAND TP S (02);
- VKSND TP S (01);
- CQĐT-Công an TP S (01);
- CQTHAHS- Công an TP S (01);
- Chi cục THADS TP S (01);
- Các bị cáo (02);
- CQTHAHS-Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- PHSNV-Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- PKTNV-THA-TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- Sở Tư pháp (01);
- Lưu HS, THS (04);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thành Hữu